

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Kim Chi;
2. Ông Nguyễn Trung Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 452/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hoài Th, sinh năm 1985; cư trú tại: phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Đàm Duy Tr, sinh năm: 1978; cư trú tại: phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn
Bà Phạm Thị Hoài Th trình bày:***

Bà và Ông Đàm Duy Tr kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Ông Tr suốt ngày uống rượu không lo làm ăn, không lo được cho vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên bảo, Ông Tr có hứa sẽ cai rượu nhưng không thực hiện được. Bản thân bà bị khuyết tật nhưng phải làm việc vừa nuôi con vừa lo cho

chồng nên bà cảm thấy cuộc sống quá bế tắc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà xin ly hôn với Ông Đàm Duy Tr.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đàm Vân Kh, sinh ngày 18/05/2018. Ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh và không yêu cầu Ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 02/4/2021 và quy trình tố tụng, bị đơn Ông Đàm Duy Tr trình bày:

Ông và Bà Phạm Thị Hoài Th kết hôn với nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Ông Tr uống rượu quá chén. Thời gian đầu bà Th đưa đơn ly hôn thì ông không muốn ly hôn, muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên, sau thời gian Tòa cho vợ chồng về tự hàn gắn nhưng ông thấy bà Th không tôn trọng ông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Do đó, nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đàm Vân Kh, sinh ngày 18/05/2018. Ly hôn Ông Tr đồng ý giao cháu Kh cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng và Ông Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bản công việc nên các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với Ông Tr. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cũng như ghi nhận ý kiến của bị đơn, giao cháu Đàm Vân Kh cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và xem xét việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Phạm Thị Hoài Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Đàm Duy Tr và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà Th là nguyên đơn, Ông Tr là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Tại Biên bản xác minh ngày 24/05/2021, Công an phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa xác định Ông Đàm Duy Tr đang cư trú tại phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tố tụng khác:** Bà Phạm Thị Hoài Th và Ông Đàm Duy Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoài Th và Ông Đàm Duy Tr có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Long T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2018 ngày 18/01/2018, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà Th khai sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, Ông Tr thường xuyên uống rượu không lo làm ăn mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được; bản thân bà bị khuyết tật nhưng phải đi làm vừa nuôi con, vừa lo cho chồng nên bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân quá bế tắc, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình làm việc, Ông Tr cũng thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn như bà Th trình bày trên là đúng. Thời gian đầu bà Th đưa đơn ly hôn thì ông không muốn ly hôn, muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên, sau thời gian Tòa cho vợ chồng về tự hàn gắn nhưng ông thấy bà Th không tôn trọng ông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Do đó, nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2021, Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên

Hòa xác định không biết tình trạng mâu thuẫn giữa bà Th và Ông Tr vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của bà Th, Ông Tr thì xác định mâu thuẫn giữa bà Th và Ông Tr là có thật. Như vậy, hôn nhân giữa bà Th và Ông Tr đã rạn nứt không thể hàn gắn được, các bên cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Th với Ông Tr là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà Th và Ông Tr đều xác định có 01 con chung tên Đàm Vân Kh, sinh ngày 18/05/2018. Ly hôn, bà Th yêu cầu được nuôi cháu Kh và không yêu cầu Ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Ông Tr có lời khai đồng ý giao cháu Kh cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cháu Kh cho bà Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời Ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Th, Ông Tr đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th, Ông Tr đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn Bà Phạm Thị Hoài Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Hoài Th đối với Ông Đàm Duy Tr.

Bà Phạm Thị Hoài Th được ly hôn với Ông Đàm Duy Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Vân Kh, sinh ngày 18/05/2018 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời Ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tr không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Hoài Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000242 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị Hoài Th và Ông Đàm Duy Tr được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Nguyệt